



Giải pháp để cải cách doanh nghiệp nhà nước hiện nay

GS.TSKH. NGUYỄN DUY GIA

Nguyên Giám đốc Học viện Hành chính Quốc gia

1. Những vấn đề lớn của Luật doanh nghiệp

Luật doanh nghiệp có hiệu lực từ 01/01/2000, tạo ra bước đột phá mạnh mẽ trong việc giải phóng năng lực sản xuất. Có ba vấn đề lớn tiếp theo cần giải quyết.

2. Cải cách toàn diện, triệt để

Quyết tâm cải cách tạo ra bước đột phá về tư duy, từ tư duy chỉ được kinh doanh trong phạm vi Nhà nước cho phép sang tư duy người dân được quyền tự do kinh doanh cho tất cả những lĩnh vực mà Nhà nước không cấm.

Luật doanh nghiệp có quy định, nếu trong trường hợp có quy định khác với luật chuyên ngành thì áp dụng theo luật chuyên ngành. Phức tạp, tốn kém chi phí và kéo dài tới 50 ngày, nạn giấy phép con, đầy mạnh cải cách hành chính phải có quyết tâm từ lãnh đạo - cắt giảm 30% thủ tục hành chính. Lo ngại văn hoá quan hệ, nâng cao sức cạnh tranh, đặc biệt là năng lực quản trị để doanh nghiệp tồn tại, phát triển. Một số công ty đang cố gắng học hỏi, áp dụng những phương thức

quản trị hiện đại.

- Tranh chấp về lạm dụng quyền lực của Hội đồng quản trị (HDQT),

- Tranh chấp về quyền điều hành công ty, tranh chấp về tài sản góp vốn...

- Cổ đông được quyền cung cấp thông tin về giấy tờ, hồ sơ kế toán của công ty.

- Quyền cổ đông trực tiếp khởi kiện HDQT.

- Quyền cổ đông yêu cầu toà án xem xét miễn nhiệm Thành viên HDQT hoặc Ban kiểm soát.

- Quyền cổ đông yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc toà án huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc HDQT trong trường hợp khẩn cấp bảo vệ lợi ích của công ty, của cổ đông và của các bên có liên quan khác...

Theo lối kinh doanh không phải bằng việc nâng cao công nghệ, trình độ quản lý mà bằng quan hệ, chạy chọt, làm vắn đục mà bản thân doanh nghiệp và cũng gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc cạnh tranh toàn cầu gay gắt.

3. Quan trọng và thực chất của Luật doanh nghiệp

Quan trọng và thực chất, Luật doanh nghiệp 2005 quy định về việc đưa doanh nghiệp nhà nước

(DNNN) vào sân chơi chung. Với quy định được thông qua, trong vòng bốn năm, kể từ 01/07/2006 tất cả các doanh nghiệp có vốn nhà nước phải thực hiện chuyển đổi để hoạt động theo Luật doanh nghiệp. Như vậy đến 01/07/2010 thời hạn chuyển đổi đã chấm dứt. Trong khi đó, hiện còn tới 1.500 DNNN lớn chưa chuyển đổi. Bốn năm không phải không đủ, mà nếu có ý thức, quyết tâm thì đã có thể làm được!

Vấn đề không chỉ là chuyển đổi mà phải thiết kế cả một hệ thống pháp luật, trong đó có việc thực thi cam kết với WTO về DNNN để tạo ra một môi trường minh bạch và bình đẳng thực sự.

Chuyển đổi DNNN không phải là chuyển đổi hình thức mà phải là chuyển đổi về chất mới có hiệu quả. Luật doanh nghiệp quy định về quyền của chủ sở hữu, minh bạch hoá thông tin, vai trò HDQT, giám sát các giao dịch có dấu hiệu tư lợi v.v..

4. Đẩy mạnh cổ phần hoá doanh nghiệp lớn

Ngân hàng, kinh doanh hàng không, viễn thông v.v... là những lĩnh vực đã được Nhà nước xác định sẽ đa dạng hoá sở hữu. Chính phủ đã có chủ trương cổ phần hoá một số ngân hàng thương mại nhà nước (NHTMNN), Vietnam



Airlines.v.v... Nhà nước vẫn nắm giữ cổ phần chi phối.

Viễn thông Vinaphone, MobiFone, Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN v.v. cũng được đề cập nhiều lần, phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) cho những doanh nghiệp đó, hầu như chưa tiến triển.

Thực ra yếu tố cốt lõi quyết định việc cổ phần hoá là xác định giá trị doanh nghiệp vẫn chưa được tháo gỡ. Tâm lý e ngại thất thoát tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp lớn. Định giá thấp thì doanh nghiệp thiệt, định giá cao thì ai mua? Bài học từ IPO Bảo Việt, Vietcombank vẫn chưa thể trở về mức giá đầu thành công bình quân. Cổ phiếu “bạc đãi” giữ nguyên phần vốn nhà nước tại những doanh nghiệp phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn, trong đó phát hành thêm một tỷ lệ nhỏ cổ phiếu ra bên ngoài theo mức giá khởi điểm do Nhà nước ấn định, sẽ khó còn hấp dẫn nhà đầu tư. Cần nghiên cứu, xác định một công thức định giá và IPO hợp lý mang tính thị trường.

Cổ phần hoá càng chậm, Nhà nước mỗi năm phải chi số vốn càng lớn để tiếp tục nuôi DNNN. Từ năm 1992 đến nay, theo Bộ Tài chính đã có 3.856 DNNN cổ phần hoá, số doanh nghiệp quốc doanh đã cổ phần hoá lớn hơn số DNNN còn lại. Song, xét về tương quan, các doanh nghiệp đã cổ phần hoá đều là quy mô nhỏ, vốn thấp, nên tỷ lệ vốn nhà nước được chuyển đổi sở hữu chưa cao. Mới có khoảng 20% vốn nhà nước được cổ phần hoá.

Cổ phần hoá trong thời kỳ hiện tại thực sự đụng chạm đến những doanh nghiệp nòng cốt, quan trọng,

nơi vốn nhà nước tập trung cũng là nơi cơ chế quản trị doanh nghiệp cần được đổi mới. Một thực tế đáng quan tâm là sau cổ phần hoá, sức cạnh tranh được nâng lên, lợi nhuận cao hơn, nộp ngân sách nhiều hơn và người được hưởng lợi trực tiếp và nhiều nhất chính là Nhà nước.

Nhà nước có điều kiện để đánh giá chính xác số vốn còn lại, thoái vốn ở bất cứ công ty, doanh nghiệp nào trong số còn lại. Doanh thu của Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) lên tới 1.674 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là thoái vốn nhà nước. Đầu giá hoặc bán trực tiếp qua sàn chứng khoán, lợi nhuận trước thuế 1.415 tỷ đồng, về tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu cao đến 84,5%.

Cổ phần hoá các DNNN tầm cỡ và then chốt là bước quyết định để nâng cao tính cạnh tranh của nền kinh tế, đồng thời tạo ra môi trường kinh doanh lành mạnh, xoá bỏ độc quyền ở những lĩnh vực không cần thiết.

Vấn đề đáng quan tâm là các DNNN lớn, các tập đoàn kinh tế chi phối và tác động lớn đến các mặt thiết yếu của nền kinh tế, như:

- Nợ chính phủ đang tăng mạnh (năm 2009 ước là 40% GDP và năm 2010 dự kiến khoảng 44% GDP)

- Vốn FDI trong năm nay sẽ vượt kế hoạch 20 tỷ USD, nhờ những dự án lớn vừa được cấp phép trong tháng 10 với tổng vốn đăng ký lên đến 7,8 tỷ USD.

Dự án thành phố sáng tạo của tập đoàn Galileo Investment (Mỹ) đã được tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đầu tư 11,4 tỷ USD với diện tích gần 5.600 héc-ta.

Tỉnh Quảng Nam cũng vừa trao giấy chứng nhận đầu tư cho hai

công ty Mỹ Tano Capital, LLC và Gopal C&D, dự án xây dựng và kinh doanh khu du lịch sinh thái, giải trí phức hợp... với tổng vốn đầu tư 4,15 tỷ USD.

Đồng Nai cũng vừa cấp giấy chứng nhận đầu tư cho công ty Berjaya Leisure Cayman, công ty con của Berjaya Land Bhd (B-Land) – Malaysia xây dựng khu trung tâm thành phố mới Nhơn Trạch trị giá 2 tỷ USD.

Tổng vốn FDI cam kết trong gần 10 tháng qua đã vượt con số 20 tỷ đô-la Mỹ.

5. Kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp nhà nước

Theo phương án sắp xếp doanh nghiệp nhà nước đã được Chính phủ phê duyệt, giai đoạn 2007 - 2010 phải tiến hành hơn 1.500 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hóa hơn 900 doanh nghiệp.

Trong thực tế, hai năm 2007 - 2008, chỉ sắp xếp được 266 doanh nghiệp, trong đó cổ phần hóa 155 doanh nghiệp. Số doanh nghiệp được cổ phần hóa (CPH) sau hơn 2 năm là quá ít, mới chỉ có 155 doanh nghiệp/hơn 900 doanh nghiệp (DN) như kế hoạch, trong khi quỹ thời gian để hoàn tất cổ phần hóa hơn 732 doanh nghiệp còn lại chỉ là hơn 1 năm.

Chặng đường 18 năm, đã tiến hành CPH được 3.856 DN, huy động được trên 52.000 tỷ đồng vốn nhân rồi trong xã hội đầu tư vào sản xuất kinh doanh; tạo cho thị trường chứng khoán thêm 89 DNNN sau cổ phần lên sàn giao dịch, với số vốn niêm yết lên tới gần 45.000 tỷ đồng.v.v...

Giai đoạn sau CPH mới là chiều dài cuộc đời các DN CPH. Nó đan xen giữa bề nổi đã nhìn thấy một phần và phần chìm còn ẩn chứa nhiều vấn đề cần được làm rõ.



6. Các nguyên nhân chủ yếu

- Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, người lao động trong doanh nghiệp chưa nhận thức đúng về sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn nhà nước. Vẫn còn tình trạng mang nặng tư tưởng bao cấp, lo ngại sau chuyển đổi sẽ mất đặc quyền, đặc lợi. Không ít bộ, ngành, địa phương, tổng công ty nhà nước chưa tích cực trong chỉ đạo thực hiện cổ phần hóa.

- Việc CPH chậm là do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Đại diện một DN đang trong diện bị “thúc ép” cổ phần hóa cho rằng, thời buổi khó khăn này, nếu cổ phần hóa theo kế hoạch thì không chỉ DN, mà cả Nhà nước cũng bị thiệt.

- Các DN đang phải khó khăn đối phó với khủng hoảng, cố gắng duy trì sản xuất, kinh doanh đã khó, nên chưa thể tập trung cho việc chuyển đổi sở hữu.

- Suy giảm kinh tế khiến việc đấu giá cổ phần cũng khó mang lại giá tốt, giá trị DN “ngót” đi đáng kể so với thời điểm trước suy giảm.

- Thiếu các quy định pháp quy. Nhiều vấn đề chưa quy định cụ thể, như xác định giá trị DN, thương hiệu, quyền sử dụng đất.v.v ...

7. Tiến độ cổ phần hóa

Sự chậm trễ CPH, thì DNNN càng mất sức cạnh tranh; đồng nghĩa với tài sản nhà nước bị thất thoát, nên cần đẩy nhanh tiến độ CPH.

Ngược lại, trong thời buổi kinh tế khó khăn hiện nay, không nên vì sức ép kế hoạch mà “bán tống bán tháo” DN. Điều quan trọng là làm sao tiếp tục thực hiện tiến trình CPH với tiến độ phù hợp, nhằm vừa không làm ảnh hưởng đến sự hồi phục của thị trường chứng

khoán, vừa không làm giảm nguồn thu từ việc bán phần vốn nhà nước. Việc đẩy nhanh tiến độ CHP phải điều chỉnh phù hợp.

Tái cơ cấu DNNN là việc quan trọng, cần phải làm khẩn trương và toàn diện; nhưng phải đặt trong điều kiện cụ thể. CPH chỉ là phương tiện, chứ không phải mục tiêu. Nếu chỉ quan tâm đến tiến độ, thì sẽ tạo ra áp lực khiến phải đánh đổi giữa thời gian và hiệu quả, mà mục tiêu cuối cùng là hiệu quả.

- Bán một lượng vốn lớn trong DNNN, thì thực chất chuyển tài sản Nhà nước sang tay tư nhân.

- Bán vốn nhà nước để cho một số cổ đông quá nhỏ tham gia vào DNNN quá lớn cũng sẽ không thay đổi được gì.

Nếu CPH để chuyển độc quyền mà không tạo ra một môi trường cạnh tranh, thì cổ phần hóa chỉ chuyển từ độc quyền nhà nước sang độc quyền tư nhân. Lúc đó, CPH còn tai hại hơn so với không làm gì?

Điều dễ hiểu là, thị trường hiện tại không phải là môi trường hấp dẫn để CPH DNNN. Song CPH cần được thực hiện nhanh chóng, nhằm sớm khắc phục tình trạng kém hiệu quả, thậm chí cả thua lỗ của DNNN.

8. Các vấn đề cần xử lý

1. Sau 18 năm thực hiện chương trình CPH, chúng ta mới xử lý khoảng 20% số vốn nhà nước trong các DNNN. Theo luật, DNNN chấm dứt hiệu lực vào ngày 1.7.2010. Có nghĩa là, toàn bộ 1.500 “phần lớn là đại gia” sẽ phải “chuyển đổi hết” thành công ty trách nhiệm hữu hạn hay công ty cổ phần để hoạt động một cách bình đẳng về hình thức pháp lý và tổ chức doanh nghiệp như các thành phần kinh tế khác. Thời gian

quá ngắn để chuyển đổi. Chính phủ phải trình Quốc hội ra nghị quyết về thời hạn.

2. Các DNNN hiện nay đều có quy mô vừa và lớn tập trung trong các lĩnh vực độc quyền nhà nước, quốc phòng, an ninh, nông, lâm trường, quản lý rừng phòng hộ hoặc đặc dụng, các lĩnh vực đảm bảo cân đối vĩ mô, cung ứng các sản phẩm dịch vụ công cộng. Bất chấp những điều kiện ưu đãi, các hệ số ICOR, doanh thu thuần, khả năng tạo việc làm của khu vực kinh tế này đều thấp hơn nhiều lần so với khu vực kinh tế tư nhân và đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Ví dụ, DNNN phải đầu tư tới hơn 708 triệu đồng để tạo ra một việc làm, so với 463 triệu đồng của doanh nghiệp tư nhân và 505 triệu đồng của doanh nghiệp FDI.

3. Nhiều DNNN đang được hưởng ưu đãi tài chính, vì thế có nguy cơ mang lại rủi ro lớn. Một báo cáo trích dẫn số liệu của trung tâm Thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước; theo đó, tính đến cuối tháng 6.2009, có bốn tổng công ty và tập đoàn kinh tế nhà nước nợ vốn vay vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng, một tỷ lệ lớn đến mức có thể mang lại rủi ro. Tổng công ty Hàng hải VN có tỷ lệ nợ là 15,33% so với vốn tự có của một ngân hàng thương mại nhà nước; Tập đoàn Bưu chính viễn thông có tỷ lệ nợ là 18,90% tại một ngân hàng thương mại nhà nước; Tập đoàn Dầu khí VN nợ với tỷ lệ 71,97% và 22,49% tại hai ngân hàng thương mại nhà nước; Tập đoàn Điện lực VN nợ với tỷ lệ là 22,77%, 22,49% và 71,97% tại ba ngân hàng thương mại nhà nước. Các khoản cho vay này hầu hết là theo chỉ định của Chính phủ cho các dự án lớn, trọng điểm quốc



gia, cho vay đồng tài trợ...vv.

4. Khu vực kinh tế nhà nước đã và đang không phân bổ nguồn lực tốt - khi nguồn lực tập trung vào các DNNN - hiệu quả và chất lượng kém, ngay từ trước khi khủng hoảng kinh tế toàn cầu, đã tác động đáng kể đến sự suy giảm kinh tế ở VN.

Trước mắt, bán cổ phần nhà nước:

- Tại các DN cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích có vốn điều lệ từ 10 tỉ đồng trở xuống

- Các DN hiện tại SCIC không giữ cổ phần chi phối.

- Các DN kinh doanh thua lỗ liên tiếp từ ba năm trở lên, đã đấu giá công khai (1) nhưng không có người mua cao hơn hoặc bằng mệnh giá thì SCIC được bán cổ phần nhà nước thấp hơn mệnh giá.

9. Bất cập vẫn còn đó - kéo dài

- Khảo sát tại 934 DN cho thấy thời gian CPH một doanh nghiệp khá dài, bình quân mất 437 ngày, điển hình là thời gian CPH Ngân hàng Ngoại thương mất tới hơn 4 năm.

- Huy động vốn từ tổ chức, cá nhân bên ngoài trong quá trình CPH còn hạn chế.

- Xác định giá trị doanh nghiệp vẫn chưa được tháo gỡ. Tâm lý e

ngại thất thoát tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp lớn, nếu việc định giá diễn ra không đúng đang khiến các cơ quan quản lý nhà nước lâm vào tình thế thụ động. Định giá thấp thì Nhà nước thiệt, định giá cao thì ai mua? Bài học từ IPO Bảo Việt, Vietcombank, Sabeco, Habeco vẫn chưa mất đi tính thời sự của nó.

- Vốn nhà nước chiếm tỷ trọng lớn trong vốn điều lệ các DN CPH (bình quân vốn Nhà nước vẫn chiếm tới 52% vốn điều lệ của DN).

- Một số DN sau CPH, cụ thể hơn là ít có sự thay đổi về cơ cấu và cơ chế quản lý, năng lực điều hành.v.v...

10. Các quyết sách trước mắt

Các DN sau CPH vẫn chưa kịp thích nghi với mô hình tổ chức mới, chưa thoát hẳn phương thức hoạt động của DNNN vốn đã ăn sâu vào nhận thức của cán bộ quản lý và người lao động. Những chính sách ưu đãi kéo dài với DN sau CPH, do sự lẫn lộn giữa khái niệm DNNN, công ty nhà nước, công ty cổ phần do Nhà nước chi phối:

1. Đất đai và quyền sở hữu tài sản cũng là những nội dung được DN CPH quan tâm nhất, trong đó đặc biệt là đất đai. Theo kết quả điều tra, chỉ có khoảng 38% DN có

quyền sử dụng đất với các quyền và lợi ích rõ ràng.

Sự thiếu rõ ràng và giải quyết chưa dứt điểm về quyền sử dụng đất, quyền và nghĩa vụ có liên quan trước khi đăng ký dưới hình thức Cty cổ phần, khiến DN gặp nhiều khó khăn trong bố trí kế hoạch hoạt động kinh doanh, xây dựng cơ sở hạ tầng.

2. Tình trạng không tính giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị DN khi CPH vẫn là phổ biến. Mặc dù, DN được tiếp tục thuê đất, được giao đất theo quy định của Nhà nước thấp hơn nhiều so với giá thị trường. DN đã gặp khó khăn trong quan hệ với ngân hàng hoặc khi muốn mở rộng sản xuất kinh doanh.

3. Các DN hình thành từ CPH bộ phận của công ty nhà nước hoặc bộ phận của đơn vị thành viên của tổng công ty thì không có quyền sử dụng đất, không được đứng tên thuê đất hoặc giao đất mà phải nhờ tổng công ty đứng ra dùng quyền sử dụng đất để vay vốn hộ mình. Ngược lại, cũng có trường hợp công ty mẹ hoặc tổng công ty đã dùng đất của đơn vị thành viên được CPH đang sử dụng để thế chấp vay vốn phục vụ kinh doanh của công ty mẹ, Tổng công ty.

4. Quản trị DN sau CPH, các DN CPH có cái nhìn vừa tích cực, vừa e ngại về môi trường thể chế sau CPH, nhất là chính sách về đất đai, tín dụng, thuế khóa.v.v...

- Vấn đề quyền được cung cấp thông tin;

- Công khai và minh bạch hoá;

- Các quy định pháp lý về quyền hạn của cổ đông, của các cơ quan như HĐQT, Ban Kiểm soát, các trình tự tổ chức đại hội.vv..

- Giao quyền trực tiếp cho HĐQT - người đại diện trực tiếp



chủ sở hữu tại DN

- Áp dụng cơ chế quản lý hiện đại với sự kiểm tra, giám sát có hiệu quả đối với bộ máy điều hành DN.

Các DN 100% vốn nhà nước vẫn không có chủ sở hữu đích thực, cụ thể. Lợi ích và trách nhiệm của chủ sở hữu vẫn thiếu gắn bó máu thịt theo kiểu “lời ăn lỗ chịu” như chủ sở hữu đích thực đối với kết quả hoạt động kinh doanh của DN. Lợi ích cá nhân hay tổ chức được phân công chủ sở hữu DN khó có thể có các quyết định hướng tới tối ưu, thậm chí trong nhiều trường hợp có thể lợi dụng địa vị pháp lý của mình để đưa ra những quyết định gây thiệt hại đến hiệu quả kinh doanh của DN. Ngoài ra, chưa có cơ chế giám sát chủ sở hữu. Đồng thời chưa có cơ sở để xác định trách nhiệm của người quản lý điều hành công ty khi đầu tư không có hiệu quả, kinh doanh thua lỗ, mất vốn, không chấp hành các chế độ báo cáo tài chính thống kê.

Sau cổ phần hóa làm ăn có lãi

Tính đến hết năm 2008, cả nước đã có 5.414 trên tổng số hơn 6.500 DNNN được sắp xếp, trong đó có 3.836 DNNN được cổ phần hoá, chiếm 71% tổng số DNNN đã được sắp xếp lại. Qua CPH, nguồn vốn huy động thêm khá lớn từ các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước để đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp và tạo điều kiện thúc đẩy sự hình thành, phát triển thị trường chứng khoán ở nước ta.

Kết quả khảo sát cho thấy, trên 90% các DNNN sau CPH đều kinh doanh có lãi. Hiệu quả quản lý và năng lực kinh doanh được cải thiện rõ rệt, thu nhập và đời sống cán bộ công nhân viên chức lao động từng

bước được nâng lên. Hệ thống các văn bản pháp lý về CPH cũng đã liên tiếp được sửa đổi, bổ sung để ngày càng hoàn thiện hơn, phù hợp hơn.

Qua hơn 18 năm triển khai, chủ trương cổ phần hoá DNNN đã đạt được những hiệu quả về kinh tế, chính trị, xã hội nhất định, tạo sự minh bạch:

- Về quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của từng thành phần sở hữu, từng cổ đông;

- Xoá bỏ cơ chế phân phối bình quân; hình thành phương thức phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn, giảm được sự can thiệp trực tiếp mang tính hành chính của các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý nhà nước;

- Tạo cơ chế quản lý tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhằm thúc đẩy DN năng động hơn; tạo cơ sở pháp lý và vật chất để người lao động xác lập và nâng cao vai trò làm chủ, gắn bó máu thịt với DN.

Kết quả nổi bật của CPH là năng lực cạnh tranh của các DNNN được nâng lên đáng kể. Họ phải tự tìm kiếm cơ hội, đối tác kinh doanh, chủ động đổi mới công nghệ, tiết kiệm tối đa các chi phí để tăng doanh thu.

CPH cũng đã huy động thêm vốn của xã hội đầu tư cho phát triển sản xuất kinh doanh, tạo cơ hội việc làm cho người lao động.

Cổ phần hoá đã thực sự giải phóng sức lao động từ chỗ đông mà không mạnh, ỷ lại, dựa dẫm, thụ động chuyển sang chủ động tích cực hơn trong nền kinh tế nhiều thành phần với thái độ đầy đủ hơn, trách nhiệm hơn, góp phần tăng thu nhập cho xã hội, cho Nhà nước và cho người lao động.

Thực tiễn đòi hỏi cần đẩy nhanh việc hoàn thiện quy định pháp lý

và chính sách liên quan đến CPH. Việc sửa đổi, bổ sung quy định theo hướng đồng bộ, hợp lý, bảo đảm sự minh bạch, công khai, tránh thất thoát vốn và tài sản Nhà nước; giải quyết thỏa đáng những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi người lao động... Mặt khác, cần có những phương pháp tính giá trị DN một cách linh hoạt và khoa học để đẩy nhanh tiến độ thực hiện CPH, kết hợp tháo gỡ những khó khăn về đất đai, mặt bằng sản xuất, những tồn đọng về công nợ.v.v... cho doanh nghiệp.

Tóm lại: Cải cách DNNN là tất yếu phù hợp với qui luật chung của quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế của các nước trên thế giới cũng như VN. Những năm qua, VN đã từng bước cải cách DNNN cho phù hợp với nền kinh tế thị trường hiện đại và đã thu được các kết quả tích cực như đã phân tích. Bên cạnh đó quá trình cải cách DNNN đang bộc lộ những hạn chế về tốc độ, về tổ chức lại bộ máy, về hiệu quả SXKD, về năng lực cạnh tranh. Vì vậy từ nay đến năm 2015, VN phải đẩy mạnh CPH các DN lớn, đang nắm giữ các ngành kinh tế trọng yếu của nền kinh tế để tạo sức cạnh tranh mới, nâng cao hiệu quả SXKD, đẩy nhanh tăng trưởng nền kinh tế. ●

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo của Bộ kế hoạch - Đầu tư
2. Tổng cục Thống kê
3. Các bài viết đăng trên báo điện tử các Bộ